

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 – 2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 1235/SGDĐT- TCCB ngày 11/8/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương về việc hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Công văn số 586/SGDĐT- GDMNTH ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn tổ chức các hoạt động Stem trong giáo dục Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 295/PDGĐT- GDTH ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An về hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kết quả đạt được trong năm học 2022-2023;

Căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường và địa phương trường Tiểu học Lương Thế Vinh đề ra kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương:

1.1. Thuận lợi

- Trường tọa lạc tại phường An Thạnh, là địa bàn khá ổn định về kinh tế - xã hội. Đa số cha mẹ học sinh đều là công chức, viên chức, có việc làm ổn định.

- Nhà trường tạo được uy tín, thương hiệu đối với địa phương và cha mẹ học sinh nên được sự hỗ trợ tích cực chính quyền địa phương và sự hỗ trợ tích cực của đa số phụ huynh học sinh.



1.2. Khó khăn

- Một bộ phận phụ huynh học sinh ít quan tâm đến việc học tập của con em, thiếu sự phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục học sinh.

- Cơ sở vật chất nhà trường được xây dựng nhiều năm nên nhiều hạn mục xuống cấp, kinh phí tự chủ thấp nên không đủ nguồn kinh phí sửa chữa lớn và tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm nhiều khó khăn.

2. Đặc điểm tình hình của nhà trường năm học 2023-2024:

2.1. Tình hình học sinh:

Năm học 2023 – 2024 trường có 19 lớp với 691/ 312 học sinh nữ. Bình quân 36 học sinh/lớp. Trong đó có 100% học sinh học 2 buổi/ ngày và bán trú. Cụ thể như sau:

KHỐI LỚP	SỐ LỚP	SỐ HS	Nữ	SỐ HS khuyết tật	Số HS dân tộc thiểu số	Số HS khó khăn
Một	4	138	63	4/2	2/1	3
Hai	4	140	57	3/1	3/1	9
Ba	3	113	47	4/1	3/1	4
Bốn	4	149	70	1/1	0	5
Năm	4	151	75	4/2	0	5
Cộng	19	691	312	16/7	8/3	26

- Đa số học sinh có ý thức học tập tốt, đảm bảo chuyên cần, ngoan ngoãn, lễ phép, thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.

- Học sinh có đầy đủ dụng cụ học tập, sách vở.

2.2. Tình hình đội ngũ, giáo viên, nhân viên:

- 100% giáo viên đạt chuẩn. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuân thủ quy chế của ngành và nội quy của nhà trường, nghiêm túc chấp hành việc phân công, phân nhiệm, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, yêu nghề, ý thức tổ chức kỷ luật cao,

nghiêm túc trong việc nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Số lượng giáo viên chủ nhiệm trẻ, mới ra trường nên kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác chủ nhiệm còn hạn chế. Cụ thể:

Vị trí	TS	Trình độ CMNV					TCCT QLNN	QL GD	Đảng viên	Đoàn viên
		Th s	ĐH	CD	TC	CĐT				
Lãnh đạo	2		2				2	2	2	
Giáo viên CN	19		19				2	3	6	15
GV dạy Bộ môn	7		7				1		2	2
GVTPTĐ	1		1							1
Nhân viên	06		2	1	1	3	1	1	1	
Tổng cộng	35		30	1	1	3	6	6	11	18

2.3. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học:

- Tổng diện tích khuôn viên trường là 4.473,1 m²; diện tích sân chơi là 1425 m². Có đầy đủ công trình vệ sinh và nguồn nước sạch có kiểm nghiệm phục vụ nấu ăn cho học sinh. Có nhà ăn, bếp nấu phục vụ học sinh bán trú.

- Cơ sở vật chất nhà trường khá đầy đủ: 20 phòng phục vụ học tập với đầy đủ bàn ghế bán trú; 01 phòng Tin học với 36 máy tính; 01 phòng Âm nhạc; 01 phòng Mĩ thuật; 01 phòng học Tiếng Anh; 01 phòng Thư viện có diện tích 147,63 m², 01 phòng thiết bị. Các lớp học đầy đủ máy chiếu hoặc màn hình; hệ thống internet và wifi toàn trường đủ nhu cầu phục vụ công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý. Khu hiệu bộ đầy đủ các phòng Hành chính: phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng... Trang thiết bị dạy học được đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định.

-Tuy nhiên, trường đã được xây dựng lâu năm cơ sở vật chất xuống cấp nhiều, các phòng Tiếng Anh chưa đầy đủ thiết bị, phòng họp chưa có bàn ghế hội trường đúng chuẩn.

3. Định hướng cụ thể trong xây dựng kế hoạch giáo dục:

- Tổ chức lớp học, phân công giáo viên và xây dựng bộ máy tổ chức theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh toàn trường, 10 buổi/tuần, mỗi ngày không quá 7 tiết đối với lớp 1; lớp 2; lớp 3 và lớp 4; 8 tiết/ngày đối với các lớp 5. Bên cạnh các môn tự chọn tổ chức câu lạc bộ năng khiếu và các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Tổ chức triển khai các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, lồng ghép thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Ngoài các tiết trải nghiệm hàng tuần như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể lớp, mỗi tháng sẽ tổ chức một buổi trải nghiệm theo chủ đề hàng tháng.

- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa; đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: Dạy lớp linh hoạt theo đối tượng học sinh, câu lạc bộ năng khiếu, dạy học trải nghiệm, dạy học stem,....

- Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn văn bản số 586/SGDDT-GDMNTH ngày 21/3/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học theo điều kiện thực tế nhà trường.

- Tổ chức các nhóm năng khiếu, các câu lạc bộ vào mỗi chiều từ thứ hai đến thứ 5, lao động vệ sinh các buổi chiều thứ sáu.

- Bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.

- Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống và xây dựng văn hóa nhà trường.

- Đẩy mạnh văn hóa đọc trong toàn trường, rèn luyện cho học sinh kỹ năng tự học, tự học suốt đời.

- Đầu tư cơ sở vật chất. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và công nghệ số trong dạy học và quản lý.

III. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến thấm nhuần giá trị nhân văn, gìn giữ bản sắc dân tộc, phát triển phù hợp với xu thế chung của đất nước và thời đại.

- Tiếp tục giữ vững Danh hiệu "**Tập thể Lao động xuất sắc**".

2. Mục tiêu cụ thể:

- Phần đầu năm học 2023-2024, trường Tiểu học Lương Thế Vinh đạt các mục tiêu sau:

- 100% học sinh cả trường được học hai buổi/ngày, 10 buổi/tuần. 100% học sinh học môn Tin học. 100% học sinh lớp 1 và lớp 2 được học môn tự chọn Tiếng Anh.

- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: **Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo**; các năng lực đặc thù: **ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất**;

- 100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 98% học sinh lớp 1,2,3,4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

- Phần 40 % học sinh được khen thưởng cấp trường.

- Phần đầu 10 em tham gia đạt giải từ khuyến khích trở lên trong Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố, có 02 học sinh đạt học sinh giỏi Tin học trẻ và 05 học sinh đạt giải Tiếng Anh IOE cấp tỉnh.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 14 học sinh khuyết tật của trường, những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để đạt yêu cầu.



- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Huy động trẻ 6 tuổi (sinh năm 2017) vào lớp 1: 100%

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và các hoạt động giáo dục:

1.1 Kế hoạch chung.

Năm học 2023-2024 căn cứ Khung phân phối chương trình giáo dục của Bộ giáo dục, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, Trường tiểu học Lương Thế Vinh ban hành kế hoạch dạy học lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 cho các môn học như sau: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Tin học – Công nghệ (lớp 3; 4) Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm; Tiếng Anh với thời lượng từ 2 đến 4 tiết/tuần đồng thời tăng cường 02 tiết/tuần (học Tiếng Anh với người nước ngoài). Khối lớp 5 thực hiện dạy học đủ tiết theo chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Quyết định số 16/2006/QĐ- BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông) mà Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định với thời lượng 35 đến 40 tiết/tuần. Cụ thể như sau:

-Đối với lớp 1: 35 tiết/ tuần; Lớp 2: 35 tiết/ tuần; Lớp 3: 35 tiết/ tuần; Lớp 4: 37 tiết/tuần; Lớp 5: 40 tiết/tuần.

-Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

-Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong các giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây

dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

-Các hoạt động giáo dục trong các giờ chính khóa được tiến hành thông qua dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục ban hành.

-Các hoạt động giáo dục ngoài chính khóa bao gồm các hoạt động về khoa học, văn học, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng tránh các tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, giáo dục kỹ năng sống... được tổ chức để học sinh trải nghiệm thông qua các hoạt động vui chơi, tham quan, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

-Đảm bảo các điều kiện về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất trang thiết bị, môi trường học tập, sinh hoạt để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục.

1.2.Cụ thể thời lượng và các môn học

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Môn học	Tổng	Số tiết lớp 1		Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5						
			HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2				
Môn học bắt buộc																				
1	Tiếng Việt	420	<i>Tuần</i>	<i>Tuần</i>																
			MĐ - 8	T9-17																
			- LL: 92 - CD: 0 - TN: 16	- LL: 92 - CD: 0 - TN: 16	- LL: 184 - CD: 14 - TN: 6	350	- LL: 148 - CD: 16 - TN: 16	- LL: 138 - CD: 16 - TN: 16	245	- LL: 115 - CD: 4 - TN: 8	- LL: 108 - CD: 3 - TN: 7	245	- LL: 104 - CD: 13 - TN: 9	- LL: 81 - CD: 14 - TN: 24	315	- LL: 144 - TN: 18	- LL: 136 - TN: 17			
2	Toán	105	- LL: 24 - CD: 1 - TN: 2	- LL: 5 - CD: 2 - TN: 0	175		- LL: 68 - CD: 15 - TN: 6	- LL: 74 - CD: 3 - TN: 9		175	- LL: 67 - CD: 15 - TN: 8		- LL: 68 - CD: 10 - TN: 7	175		- LL: 63 - CD: 18 - TN: 9	- LL: 69 - CD: 15 - TN: 1	210	- LL: 90 - TN: 18	- LL: 85 - TN: 17
4	Đạo đức	35	- LL: 12 - CD: 2 - TN: 4	- LL: 5 - CD: 2 - TN: 0	35		- LL: 0 - CD: 5 - TN: 3	- LL: 0 - CD: 4 - TN: 3		35	- LL: 14 - CD: 2 - TN: 3		- LL: 10 - CD: 1 - TN: 6	35		- LL: 9 - CD: 2 - TN: 7	- LL: 10 - CD: 2 - TN: 5	35	- LL: 16 - TN: 2	- LL: 12 - TN: 5
5	Tự nhiên và Xã hội	70	- LL: 25 - CD: 9 - TN: 2	- LL: 1 - CD: 8 - TN: 5	70	- LL: 0 - CD: 9 - TN: 7	- LL: 7 - CD: 9 - TN: 8	70	- LL: 18 - CD: 9 - TN: 9	- LL: 21 - CD: 7 - TN: 6										

6	Lịch sử và Địa lý									70	- LL:23 - CD: 3 - TN: 10	- LL:28 - CD: 1 - TN:5	70	- LL: 30 - TN: 6	- LL: 28 - TN: 6
7	Khoa học									70	- LL:22 - CD: 4 - TN: 10	- LL:21 - CD: 10 - TN:3	70	- LL: 30 - TN: 6	- LL: 29 - TN: 5
8	Tin Học									35	- LL:7 - CD:5 - TN: 6	- LL:7 - CD:5 - TN:5	35	- LL: 24 - CD: 4 - TN: 7	- LL: 24 - CD: 4 - TN: 7
9	Công Nghệ									35	- LL: 13 - CD: 2 - TN: 3	- LL: 9 - CD: 2 - TN: 6	35	- LL:11 - CD: 2 - TN: 5	- LL:8 - CD: 2 - TN: 7
10	Giáo dục thể chất	70	- LL:18 - CD: 8 - TN: 10	- LL:16 - CD:8 - TN: 10	70	- LL:18 - CD: 8 - TN: 10	- LL:16 - CD:8 - TN: 10	70	- LL:18 - CD: 8 - TN: 10	- LL:16 - CD:8 - TN: 10	70	- LL:18 - CD: 8 - TN: 10	- LL:16 - CD:8 - TN: 10	70	- LL:18 - CD: 8 - TN: 10
11	Mỹ Thuật	35	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 10	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 9	35	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 10	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 9	35	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 10	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 9	35	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 10	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 9	35	- LL: 4 - CD: 4 - TN: 10
12	Âm nhạc	35	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 9	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 8	35	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 9	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 8	35	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 9	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 8	35	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 9	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 8	35	- LL: 5 - CD: 4 - TN: 9

Hoạt động giáo dục bắt buộc																	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	- SHL: 18	- SHL: 17	105	- SHL: 18	- SHL: 17	105	-SHL:18	-SHL: 17	105	- SHL: 18	-SHL:17	105	- SHL: 18	-SHL:17	
			- SHDC: 18	- SHD C: 17		- SHD C: 18	- SHD C: 17		- SHDC: 18	- SHDC: 17		- SHDC: 18	- SHDC: 17		- SHDC: 18	- SHDC: 17	
			- LL: 18	- LL:8		- LL: 18	- LL: 17		- LL:18	- LL:17		- LL: 18	LL: 17		- LL: 18	LL: 17	
Môn học tự chọn																	
15	Tiếng Anh	50	- LL:6	- LL:1 9	70	- LL:1 9	- LL:1 9	140	- LL:34	- LL:32	140	- LL:34	- LL:32	140	- LL:34	- LL:32	
			- CD: 5	- CD:7		- CD: 8	- CD:7		- CD: 20	-CD:20		- CD: 20	-CD:20		- CD: 20	-CD:20	
			- TN: 5	- TN:8		- TN: 9	- TN:8		- TN: 18	- TN:16		- TN: 18	- TN:16		- TN: 18	- TN:16	
16	Kỹ Thuật													35	- LL: 15 - TN: 3	- LL: 14 - TN: 3	

2. Chương trình tăng cường/ mở rộng		Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
	Linh hoạt (bơi + TATC)										62	28	34	62	28	34
1	Đọc sách	35	18	17	35	18	17	35	18	17	70	36	34	35	18	17
2	Linh hoạt (Hs học cờ vua, Mỹ Thuật, Âm Nhạc..)	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51

3	Kỹ năng sống	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tin học	35	18	17	35	18	17									
5	Linh hoạt (Ôn tập)	35	18	17	70	36	34	70	36	34	35	18	17	105	36	34
Tổng		245	126	119	280	144	136	245	126	119	307	126	119	342	154	153
Tổng số tiết/1 năm		1225 tiết/35 tuần			1225 tiết/35 tuần			1225 tiết/35 tuần			1225 tiết/35 tuần			1400 tiết/35 tuần		
Số tiết/ tuần		35 tiết/ tuần			35 tiết/ tuần			35 tiết/ tuần			39 tiết/ tuần			40 tiết/ tuần		

Phụ lục 1.3. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung hoạt động	Hình thức thực hiện
Tháng 9	Cùng bạn đến trường	- Lễ hội Khai trường - Vui hội trăng rằm.	Hội thi
Tháng 10	Chăm ngoan học giỏi	- Tự hào truyền thống nhà trường; - Văn nghệ chào mừng 20 năm thành lập trường.	Lồng ghép SHDC và hội thi
Tháng 11	Nhớ ơn thầy cô	- Chương trình Thắp sáng ước mơ; - Báo tường chào mừng 20/11. Chủ đề Nhớ ơn thầy cô	Hội thi
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Hội thi sáng tạo trẻ.	Tham quan dã ngoại

		- Viếng nghĩa trang liệt sĩ và bia truyền thống.	
Tháng 1	Chào năm mới	- Ngày hội Chắp cánh ước mơ lần 11;	Sinh hoạt ngoại khóa
Tháng 2	Mừng Đảng quang vinh	- Hoạt động trải nghiệm về nguồn; - Kết nạp Đội viên tại địa chỉ đỏ	Sinh hoạt ngoại khóa
Tháng 3	Tiến bước lên Đoàn	- Hội thi giao lưu Tiếng Anh; - Thi nghi thức đội	Lồng ghép sinh hoạt tập thể
Tháng 4	Mừng non sông thống nhất	- Hội thi xếp sách nghệ thuật; - Hội thi Kể chuyện Bác Hồ .	Hội thi
Tháng 5	Tự hào Đội viên	- Tổng kết năm học	Sinh hoạt tập thể

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Tổ chức ăn, nghỉ	- Ăn trưa - Nghỉ trưa - Ăn xế	- Toàn trường (HS bán trú)	- 10g30– 13.45 - 14g 35 – 14g55	- Tai trường	
2	Năng khiếu tự nguyện	- Câu lạc bộ Tiếng Anh - Câu lạc bộ KNS; Bơi - Câu lạc bộ Nghệ thuật - Câu lạc bộ Erobic - Câu lạc bộ võ thuật	- Theo nhóm câu lạc bộ tự chọn Đối với lớp 1 và lớp 2	- 15g – 17g10	- Lớp học; Sân trường Thư viện Hội trường Các phòng chức năng	HS tự chọn
3	Đọc sách và hoàn thiện bài tập tại lớp học	- Hoạt động cá nhân	- Học sinh tự túc/ GVCN quản lý.	- 15g – 16g10	Lớp học; Thư viện	HS không tham gia các CLB

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023- 2024:

- Thực hiện Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể đối với GD tiểu học:

- Ngày tựu trường: từ ngày 28/8/2023 đến 31/8/2023.

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2023.

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2023 đến trước ngày 12/01/2024 (gồm 18 tuần thực học).

- Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 24/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 27/5 - 31/5/2024.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

4. Tại trường Tiểu học Lương Thế Vinh thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1.

Bảng phân phối chương trình Lớp 1 – Học kỳ I

MÔN/ TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng/ môn
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tiếng Anh										2	2	2	2	2	2	2	2	2	18
Thay 2 tiết TA	2	2	2	2	2	2	2	2	2										

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	486
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
Linh hoạt (Ôn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	630

Bảng phân phối chương trình Lớp 1 – Học kỳ 2

MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng/ môn
	Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	459
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Linh hoạt (Ôn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	595

4.2. Đối với khối Lớp 2.

Bảng phân phối chương trình Lớp 2 – Học kỳ 1

MÔN/ TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng/ môn
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	180
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	486
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Linh hoạt (Ôn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	630

Bảng phân phối chương trình Lớp 2 – Học kỳ 2

MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng/ môn
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	170
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34

Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	459
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Linh hoạt (Ôn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	595

4.3. Đối với khối Lớp 3.

Bảng phân phối chương trình Lớp 3 – Học kỳ 1

MÔN/ TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng/ môn
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	504
Linh hoạt (Ôn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36

Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	630

Bảng phân phối chương trình Lớp 3 – Học kỳ 2

MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng/ môn
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HDTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	476
Linh hoạt (Ôn)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	34
Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	34
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	595

4.4. Đối với lớp 4:

Bảng phân phối chương trình Lớp 4 – Học kỳ 1

MÔN/	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời
------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	--------------

TUẦN																			lượng/ môn
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
LS&DL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	540
TATC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Độc sách	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Linh hoạt (BD,PD Toán, TV)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	702

Bảng phân phối chương trình Lớp 4 – Học kỳ 2

MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng/ môn
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
LS&DL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34

GĐTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
TATC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Độc sách	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Linh hoạt (BD,PD Toán, TV)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	663

1.1. Đối với lớp 5:

Bảng phân phối chương trình Lớp 5 – Học kỳ 1

TT	Môn học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng/ môn	
1	Tiếng Việt	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	144
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
3	Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
4	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
5	Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
6	Lịch sử và Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
7	Kĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
8	Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
9	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
10	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
11	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
12	Chào cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
13	SHTT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	Tổng	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	558

1	TATC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
2	Linh hoạt (NK)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
3	KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
4	Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
5	Linh hoạt (BD,PD Toán, TV)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	18
	Tổng	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	720

Bảng phân phối chương trình Lớp 5 – Học kỳ 2

TT	Môn học	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	Tổng thời lượng/ môn
1	Tiếng Việt	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	136
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
4	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
5	Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
6	Lịch sử và Địa lí	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
7	Kĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
8	Tin học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
9	Thể dục	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
10	Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
11	Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
12	Chào cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
13	SHTT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	Tổng	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	527
1	TATC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
2	Linh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51

	hoạt (NK)																		
3	KNS	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
4	Đọc sách	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
5	Linh hoạt (BD, PĐ Toán, TV)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
	Tổng	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	680

3. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục trong tuần (Phụ lục 1.4):

Khối Lớp 1:

Thời khóa biểu giảng dạy không có môn Tiếng Anh (Tuần 1- Tuần 9)

Thời gian		Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
<u>Sáng</u>		HĐTN	GDTC	Mĩ Thuật	GDTC	Âm nhạc
Vào lớp: 7h30	1	Tiếng Việt	Toán	Toán	Toán	Tiếng Việt
Tan học: 10h30p	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Đạo đức	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	KNS
	4					
<u>Chiều</u>						
Vào lớp: 14h00p	1	Tin Học	LTTV	Linh hoạt	TN&XH	LTTV
Tan học: 16h10p	2	TN&XH	Linh hoạt	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN
	3	Đọc sách	Linh hoạt	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN

Thời khóa biểu giảng dạy có môn Tiếng Anh (Tuần 10- Tuần 35)

Thời gian		Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
<u>Sáng</u>			GDTC	Mĩ Thuật	GDTC	Âm nhạc
Vào lớp: 7h30	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Tiếng Việt
Tan học: 10h30p	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	KNS
	4	Đạo đức				
<u>Chiều</u>						
Vào lớp: 14h00p	1	Tin học	LTTV	Linh hoạt	TN&XH	LTTV
Tan học: 16h10p	2	TN&XH	Tiếng Anh	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN
	3	Đọc sách	Tiếng Anh	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN

Khối Lớp: 2

HỌC KỲ I (Từ 05/09/2023 –gồm 18 tuần)						
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	HĐTN	Mỹ Thuật	GDTC	Tiếng Việt	Toán
	2	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	GDTC
	3	Tiếng Việt	Âm Nhạc	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
	4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt
Chiều	6	Toán	Toán	Linh Hoạt	Tin Học	KNS
	7	TNXH	Linh Hoạt	Linh Hoạt	TNXH	HĐTN
	8	Đạo Đức	Linh Hoạt	Linh Hoạt	Đọc Sách	HĐTN

HỌC KỲ II (17 tuần)						
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	HĐTN	Mỹ Thuật	GDTC	Tiếng Việt	Toán
	2	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	GDTC
	3	Tiếng Việt	Âm Nhạc	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
	4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt
Chiều	6	Toán	Toán	Linh Hoạt	Tin Học	KNS
	7	TNXH	Linh Hoạt	Linh Hoạt	TNXH	HĐTN
	8	Đạo Đức	Linh Hoạt	Linh Hoạt	Đọc Sách	HĐTN

Khối Lớp 3:

HỌC KỲ I (Từ Tháng 9/2023 – Hết tuần 18)						
Buổi	Thứ Tiết	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
SÁNG	1	HĐTN	TA	Tiếng Việt	AN	Tiếng Việt
	2	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt	MT	Toán
	3	Tiếng Việt	Toán	GDTC	Tiếng Việt	TH
	4	TA	Đạo đức	Toán	Toán	TA
CHIỀU	1	Tiếng Việt	Công nghệ	Linh hoạt	TNXH	Đọc sách
	2	Toán	KNS	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN
	3	TNXH	TA	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN

HỌC KỲ II (Bắt đầu từ tuần 19)						
Buổi	Thứ Tiết	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
SÁNG	1	HĐTN	TA	Tiếng Việt	AN	Tiếng Việt
	2	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt	MT	Toán
	3	Tiếng Việt	Toán	GDTC	Tiếng Việt	TH
	4	TA	Đạo đức	Toán	Toán	TA
CHIỀU	1	Tiếng Việt	Công nghệ	Linh hoạt	TNXH	Đọc sách
	2	Toán	KNS	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN
	3	TNXH	TA	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN



Khối Lớp 4:

HỌC KỲ I (Từ 05/09/2022 – 06/01/2023 gồm 18 tuần)						
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	CC.HĐTN	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán	Tiếng Anh
	2	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Toán
	3	Toán	GDTC	Tiếng Việt	GDTC	Tin học
	4	Âm nhạc	Toán	Tiếng Việt	Khoa học	Tiếng Việt
	5	Tiếng Việt		Sử - Địa	Linh hoạt	Sử - Địa
Chiều	6	Tiếng Việt	Khoa học	Linh hoạt	Tiếng Anh	Độc sách
	7	Đạo đức	Công nghệ	Linh hoạt	Linh hoạt	Độc sách
	8	KNS	HĐTN	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN
HỌC KỲ II (17 tuần)						
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	CC.HĐTN	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán	Tiếng Anh
	2	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Toán
	3	Toán	GDTC	Tiếng Việt	GDTC	Tin học
	4	Âm nhạc	Toán	Tiếng Việt	Khoa học	Tiếng Việt
	5	Tiếng Việt		Sử - Địa	Linh hoạt	Sử - Địa
Chiều	6	Tiếng Việt	Khoa học	Linh hoạt	Tiếng Anh	Độc sách
	7	Đạo đức	Công nghệ	Linh hoạt	Linh hoạt	Độc sách
	8	KNS	HĐTN	Linh hoạt	Linh hoạt	HĐTN

Khối lớp: Năm

HỌC KỲ I (Từ 05/09/2022 – 06/01/2023 gồm 18 tuần)						
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	Chào cờ	Chính tả	Tập đọc	LTVC	Tập làm văn
	2	Tập đọc	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán	Toán
	3	Toán	Tin học	Toán	Tin học	Mĩ thuật
	4	Lịch sử	Toán	LTVC	Tập làm văn	Khoa học
	5	Thể dục	Âm nhạc	Kể chuyện	Thể dục	Tiếng Anh
Chiều	6	Tiếng Anh	Khoa học	Linh hoạt	Địa lí	Linh hoạt
	7	Đạo đức	Linh hoạt	Linh hoạt	Đọc sách	KNS
	8	HĐTN	Linh hoạt	Linh hoạt	Kĩ thuật	SHTT
Tổng số tiết		8	8	8	8	8
Tổng số tiết		40				

HỌC KỲ II (17 tuần)						
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	Chào cờ	Chính tả	Tập đọc	LTVC	Tập làm văn
	2	Tập đọc	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Toán	Toán
	3	Toán	Tin học	Toán	Tin học	Mĩ thuật
	4	Lịch sử	Toán	LTVC	Tập làm văn	Khoa học
	5	Thể dục	Âm nhạc	Kể chuyện	Thể dục	Tiếng Anh
Chiều	6	Tiếng Anh	Khoa học	Linh hoạt	Địa lí	Linh hoạt
	7	Đạo đức	Linh hoạt	Linh hoạt	Đọc sách	KNS
	8	HĐTN	Linh hoạt	Linh hoạt	Kĩ thuật	SHTT
Tổng số tiết		8	8	8	8	8

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

5.1. Tăng cường củng cố cơ sở vật chất hiện có; bổ sung và cải tạo trang thiết bị đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với cấp tiểu học.

Thực hiện kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm 2023 và 2024 bằng nguồn kinh phí thường xuyên đáp ứng nhu cầu dạy và học. Duy trì bảo dưỡng hệ thống máy chiếu, màn hình và hệ thống Internet toàn trường đảm bảo cho giáo viên sử dụng CNTT trong dạy học.

Rà soát sửa chữa, chống thấm các phòng học, bảo trì hệ thống và thiết bị điện đảm bảo cho phục vụ dạy và học.

Thường xuyên tu bổ mảng xanh nhà trường tạo không gian “Xanh – sạch - đẹp - an toàn” từ cổng trường đến toàn bộ khuôn viên, lớp học. Trang bị thêm các thiết bị nhà vệ sinh đảm bảo “Nhà vệ sinh thân thiện”.

Tham mưu công tác sửa chữa hè 2024 và mua sắm bằng nguồn kinh phí không thường xuyên: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, bàn ghế hội trường.

Cải tạo thư viện xanh, duy trì đọc sách đầu giờ, tiếp tục thực hiện mô hình “Thư viện thân thiện” và hoạt động Thư viện, Thư viện lớp học phát huy hiệu quả phong trào đọc sách trong toàn trường. Tạo không gian đẹp thu hút học sinh đọc sách và khuyến khích giáo viên tổ chức các tiết học tại Thư viện.

Nâng cao chất lượng xã hội hóa giáo dục hỗ trợ nhà trường trong công tác mua sắm các thiết bị nhà bếp phục vụ bán trú.

Vận dụng tốt Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục quy định về tài trợ viện trợ cho các cơ sở giáo dục quốc dân nhằm trang bị cơ sở vật chất, khen thưởng, khuyến học khuyến tài.

5.2. Phát triển đội ngũ GV, CBQL GDTH đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho việc triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học.

Đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn giáo viên tiểu học đồng thời xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng theo chuẩn và trên chuẩn.

Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học.

Tạo điều kiện cho 11 cán bộ giáo viên tham gia các lớp Thạc sĩ GD Tiểu học, động viên khuyến khích giáo viên tự học tập nâng kỹ năng sư phạm, ứng dụng CNTT trong dạy học, tham gia học tập BDTX và các lớp kỹ năng khác.

Tham mưu phòng Giáo dục và Đào tạo phân bổ biên chế giáo viên đủ theo tỷ lệ 1.5 giáo viên/ lớp. Đủ giáo viên bộ môn theo quy định.

5.3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng có hiệu quả cho đội ngũ GV, CBQL giáo dục về thực hiện CTGDPT 2018.

100% CBQL và GV tham gia tập huấn CTGDPT 2018, các mô đun về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm 2023 -2024.

Xây dựng và triển khai tốt kế hoạch tập huấn cho đội ngũ giáo viên tập huấn chương trình SGK lớp 5 chuẩn bị cho năm 2024-2025.

Xây dựng 05 chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn trong năm. Bao gồm:

- Thực hiện chuyên đề 1: Tập huấn chương trình GDPT 2018 và SGK sách lớp 4 cho giáo viên toàn trường

- Chuyên đề 2: Nâng cao năng lực cho giáo viên chủ nhiệm, xây dựng lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc.

- Thực hiện chuyên đề cấp trường lần 3. Tổ chức tiết dạy stems lớp 1. Bài Dụng cụ gấp áo tích hợp Toán 1.

- Chuyên đề 4: Bồi dưỡng giáo viên kỹ năng “Dạy học thông qua chơi”.

- Chuyên đề 5: Dự giờ theo nghiên cứu bài dạy Stem môn Khoa học lớp 4: Nắm gây hồng thực phẩm và nắm độc.

Thực hiện thao giảng dự giờ theo hướng nghiên cứu bài học.

Triển khai và vận dụng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, các giải pháp và sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học.

Tăng cường dự giờ rút kinh nghiệm tiết dạy sinh hoạt chuyên môn, đổi mới nội dung phương pháp, đa dạng hoá hình thức bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên theo hướng chuẩn kiến thức kỹ năng tích cực sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong học sinh.

5.4. Về đổi mới hoạt động của giáo viên:

❖ **Dạy để làm thay đổi người học:** chuyển từ việc dạy học tập trung vào nội dung sang dạy học tập trung vào hình thành các năng lực cho học sinh.

❖ **Dạy cách học:** nuôi dưỡng sự tò mò và khát khao, nuôi dưỡng lòng yêu thích học tập suốt đời.

❖ **Về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và bồi dưỡng:** tăng cường và nâng cao bài giảng điện tử; tăng cường khai thác internet trong dạy học; giáo viên được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, của đội ngũ giáo viên hướng dẫn và khả năng thực tế của nhà trường.

❖ **Đổi mới hoạt động dự giờ của giáo viên:** dự giờ không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, đánh giá giờ dạy của giáo viên mà phải chú trọng đến việc tư vấn và thúc đẩy việc phát triển chuyên môn.

❖ **Đổi mới phương pháp dạy học:**

Tích cực đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Chuyển từ hình thức học tập trên lớp sang hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học: 100% các tổ chuyên môn thực hiện ngân hàng tài nguyên dạy học, khuyến khích soạn giảng giáo án điện tử sử dụng các phần mềm soạn giảng điện tử trong đơn vị.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các và kỹ năng dạy học cho đội ngũ CBGV trong công tác dạy trực tiếp kết hợp tuyến, online đề phòng dịch bệnh xảy ra như: sử dụng phần mềm quản lý lớp lasso; Azota; ...

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học. Tiếp tục tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh qua các chuyên đề của nhà trường trong năm.

+ **Về trải nghiệm học tập:** giáo viên cần phát huy khả năng tự kiểm soát đối với quá trình học tập của học sinh; khuyến khích học sinh lên các kế hoạch tự trải nghiệm để tìm tòi, khám phá, rút kinh nghiệm.

+ **Về môi trường học tập:** Cần cởi mở và chấp nhận các nhu cầu khác nhau cũng như những đặc điểm khác nhau của học sinh; nuôi dưỡng và khuyến khích học sinh bày tỏ quan điểm; có sự tương tác mang tính tôn trọng giữa giáo viên và học sinh. *Để tạo ra môi trường học tập tích cực*, giáo viên cần đề ra các quy định của lớp học và đưa ra các kỳ vọng, mong đợi; khi tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm cần có đủ thời gian để học sinh trả lời hay làm rõ những băn khoăn của mình; tôn trọng trật tự, quy trình; luôn khen ngợi, động viên những nỗ lực của học sinh.

+ **Về nội dung học tập:** Để lôi cuốn học sinh trong học tập giáo viên cần liên hệ thực tế trong cuộc sống, học sinh được trải nghiệm để giúp học sinh có thể tìm tòi khám phá kiến thức. Qua đó học sinh có thể kết nối với kinh nghiệm, kích thích tính tò mò và làm cho học sinh muốn tìm tòi thêm; biến những chuyện xảy ra trong nhà trường, trong xã hội thành những nội dung có thể giảng trên lớp; tạo điều kiện để học sinh kết nối việc học ở trường với thế giới bên ngoài.

+ *Về đánh giá học sinh*: đảm bảo tính toàn diện về kiến thức, phẩm chất và năng lực. Đảm bảo trung thực, khách quan; cần giúp học sinh biết điểm mạnh, điểm yếu của mỗi cá nhân để tiến bộ; giúp HS tái định hướng hoạt động học tập.

- Đối với HS Lớp 1, Lớp 2; Lớp 3 và Lớp 4 đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

- Đối với Lớp 5, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT.

5.5. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống.

- Tổ chức các hoạt động lao động tự phục vụ, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, giáo dục lối sống, giá trị sống, giáo dục trải nghiệm.

- Tổ chức các hoạt động dạy học theo định hướng giáo dục stem theo điều kiện của nhà trường.

- Ban chỉ đạo Giáo dục ngoài giờ lên lớp có kế hoạch cụ thể thiết thực theo hướng các hoạt động thực hành, trải nghiệm phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, địa phương nhằm phát triển kỹ năng, năng lực và tạo cơ hội cho học sinh phát triển toàn diện thông qua các chủ điểm hàng tháng trong năm học. Ngoài ra trong năm tổ chức ít nhất 02 chuyên đề học tập trải nghiệm; 01 chuyến tham quan dã ngoại ngoài nhà trường.

- GVCN, các đoàn thể, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên phối hợp thực hiện các hoạt động giáo dục trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong giờ sinh hoạt tập thể của trường, của lớp trong tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, lao động vệ sinh mỗi Thứ sáu hàng tuần.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục Stem dưới hình thức dạy tích hợp vào các môn học bắt buộc của chương trình chính khóa.

- Bộ phận chuyên môn hợp lựa chọn tài liệu bổ trợ dạy học stem theo đúng quy trình hướng dẫn của Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thống nhất chọn bộ sách Hành trình sáng tạo nhà xuất bản giáo dục Việt Nam của tác giả Lê Huy Hoàng

- Phối hợp các đoàn thể: Đội, Đoàn thanh niên hỗ trợ tổ chức thực hiện, Hội CMHS các lớp hỗ trợ học cụ và thiết bị học tập của học sinh, từng bước đưa nội dung và thực hành trải nghiệm theo mô hình giáo dục Stem trong giảng dạy đại trà.

- Chỉ đạo dạy học gắn kết giữa kiến thức được học với vận dụng vào cuộc sống, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, xây dựng thói

quen tốt giúp hình thành nhân cách, tăng cường giáo dục nhận thức về quyền trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học, tuyên truyền giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, ...

5.6. Nâng cao chất lượng hoạt động bán trú nhà trường và công tác chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng và công tác phòng chống dịch.

Tăng cường công tác xã hội hóa về trang thiết bị bán trú nhằm phục vụ bữa ăn học đường ngày càng cải tiến tốt hơn.

Tăng cường công tác tuyên truyền về dinh dưỡng cho học sinh thông qua việc áp dụng áp phích “3 phút làm thay đổi nhận thức”. Dán áp phích tuyên truyền dinh dưỡng trên mỗi lớp học, nhà ăn, sân trường.

Y tế nhà trường xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh, công tác tuyên truyền phòng bệnh.

Tuyên truyền và tập huấn các kỹ năng phòng bệnh cho GV, nhân viên, học sinh.

5.7. Xây dựng văn hóa nhà trường

- *Xây dựng văn hóa nhà trường theo tiêu chí “trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc”, nuôi dưỡng bầu không khí cởi mở, dân chủ, hợp tác, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau:* Mỗi thành viên đều biết rõ công việc mình phải làm, hiểu rõ trách nhiệm, luôn có ý thức chia sẻ trách nhiệm, tích cực tham gia vào việc ra các quyết định dạy và học. Tạo môi trường học tập thân thiện, có lợi nhất cho học sinh.

- *Chia sẻ quyền lực, trao quyền, khuyến khích tính tự chịu trách nhiệm; chia sẻ tầm nhìn; chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi chuyên môn:* Khuyến khích giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy và học; khuyến khích hợp tác, sáng tạo và đổi mới.

- *Xây dựng các quy tắc giao tiếp, ứng xử với mọi thành viên trong nhà trường (giữa học sinh với học sinh; học sinh với GV; GV với học sinh; GV với BGH, với đồng nghiệp; GV với CMHS...)* dựa trên các nguyên tắc sau: Tôn trọng người khác, đặt vị trí mình vào vị trí của người khác trong giao tiếp, ứng xử; tôn trọng lời hứa, sự cam kết và hợp đồng; phê bình góp ý tránh cách nói mỉa mai, chỉ trích... làm tổn thương người khác.

- *Xây dựng các quy tắc ứng xử với môi trường (Văn hóa giao thông; bảo vệ sức khỏe; giữ gìn vệ sinh trường, lớp; bảo vệ môi trường sống; tiết kiệm năng lượng).*

- *Xây dựng văn hóa đọc*: Hình thành văn hóa đọc sách mỗi ngày vào mỗi buổi sáng cho toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh. Trao dồi kỹ năng tự học và học tập suốt đời cho toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh.

5.8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDĐT

Chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về GDĐT tại địa phương; tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới GDĐT, đặc biệt việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018.

Tổ chức và định hướng truyền thông, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về GDĐT đến phụ huynh học sinh và xã hội. Tăng cường truyền thông nội bộ về các quy định, chủ trương đổi mới của Ngành đến được từng cán bộ, GV, người lao động trong và ngoài nhà trường.

Tuyên truyền, tập huấn cho CBQL, GV nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về GDĐT; chủ động viết và đưa tin, bài về việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018, về gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến... để khích lệ GV, HS phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Xây dựng tiêu chí về trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc.

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo Tổ Lớp 1, Lớp 2, Lớp 3 và Lớp 4 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chỉ đạo trực tiếp tổ Lớp 2 – tổ Lớp 4. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

6.2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 10 buổi/ tuần. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học

không gây quá tải cho học sinh. Xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/1 ngày, kế hoạch tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu trong nhà trường.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục. Kiểm tra giám sát việc sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Xây dựng kế hoạch lao động vệ sinh, nề nếp bán trú. Chăm lo sức khỏe học sinh, công tác phòng chống dịch bệnh.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học theo chương trình GPPT 2018; đổi mới PPDH.

- Xây dựng các chuyên đề chuyên môn trong tháng.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

6.3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình 2018.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

6.4. Đối với giáo viên:

- Thực hiện nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn

vị.

6.5. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với Phó Hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu- kết thúc).

- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

6.6. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
- Thực hiện các hoạt động theo tiêu chí của Thư viện xuất sắc.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách. (về thời điểm, cách tổ chức, thành phần tham gia tổ chức, ...) để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 để làm căn cứ cho các tổ, các bộ phận, các cá nhân chủ động và sáng tạo lập kế hoạch năm học, học kì, tháng, tuần phù hợp với vai trò nhiệm vụ của từng thành viên trong nhà trường./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Thuận An (để báo cáo);
- Ban đại diện CMHS (phối hợp);
- Công đoàn trường;
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (thực hiện);
- Lưu: Hồ sơ, VT

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Thị Diệp Phương

Ý kiến Lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thuận An

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....